

## NGHĨ VỀ “TÂM LÒNG SON” QUA HAI BÀI THƠ TUYỆT MỆNH CỦA CHÍ SĨ NGUYỄN DUY HIỆU

Huỳnh Đông

Rằm Trung thu năm nay (2017) là đúng cái Rằm thứ 130 ngày Chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu bị giặc Pháp giết (1887). Tấm lòng trung nghĩa của ông sáng như vàng trắng Rằm tháng Tám hòa vào tâm hồn dân tộc dằng dặc muôn thu... Bài viết này chỉ muốn nêu một vài cảm nhận về “Tấm lòng son” của ông đối với quê hương đất nước như là một nén tâm hương kính dâng lên ngày giỗ của người Chí sĩ.

### Xuất thân giữa đời tao loạn - một kẻ sĩ hành động

Nguyễn Duy Hiệu sinh năm Đinh Mùi - 1847, người làng Thanh Hà, huyện Diên Phước (nay là xã Cẩm Hà, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam). Thi đỗ Cử nhân năm Bính Tý (1876), đỗ Phó bảng năm Kỷ Mão (1879), lúc 32 tuổi, được triều đình Tự Đức bổ nhiệm làm quan phụ đạo tại kinh thành Huế, phong Hồng Lô Tự Khanh nên người đời gọi ông là Hường Hiệu. Cũng như bao nhà nho đồng trang lứa, Nguyễn Duy Hiệu là một nhân sĩ sinh ra trong thời kỳ đen tối nhất của lịch sử nước nhà. Trước họa ngoại xâm, sự bất lực, nhu nhược và thỏa hiệp với giặc của triều đình phong kiến nhà Nguyễn, mà bắt đầu bằng tiếng súng và cuộc đổ quân của Pháp trên cửa biển Đà Nẵng

(1858) thì rõ ràng ách đô hộ của thực dân Pháp lên toàn cõi Việt Nam là một hiện thực đau xót đối với một kẻ sĩ yêu nước như ông. Không thể ngồi yên nhìn quê hương tan nát dưới gót giày ngoại bang, Nguyễn Duy Hiệu đã từ bỏ quan trường, hưởng ứng dụ Cần vương của vua Hàm Nghi khi kinh thành Huế thất thủ, đã cùng Trần Văn Dư (1839-1845), Phan Bá Phiến (1839-1887) và Tiểu La (Nguyễn Hàm: 1863-1911) thành lập Nghĩa hội Quảng Nam rồi ra văn bản cáo thị kêu gọi toàn dân trong tỉnh cùng đứng lên đáp nghĩa. Từ ngày thành lập, Nghĩa hội Quảng Nam đã từng bao phen làm cho thực dân Pháp điêu đứng, cao trào là ngày 4 tháng 9 năm 1885, nghĩa quân Quảng Nam bao vây chiếm tỉnh thành La Qua (còn gọi là La Thành, tức thành tỉnh Quảng Nam) buộc Bộ chánh Bùi Tiến Tiên và Tuần phủ Nguyễn Ngoạn phải dẫn quân rút chạy. Giặc Pháp đã phản công, vì lực mỏng, thế cô các căn cứ nghĩa quân ở Đại Lộc, Quế Sơn, Tam Kỳ... bị bao vây và thất thủ (tháng 10 năm 1885). Trước tình thế nguy ngập đó, bộ chỉ huy Nghĩa hội bàn nhau chọn kế “Giải binh quy điền” để bảo toàn lực lượng. Tháng 12 năm 1885, Trần Văn Dư giao quyền Thủ hội cho Nguyễn Duy Hiệu để đến Huế gặp vua Đồng Khánh vì ông tin rằng người ấy là người đã từng được ông dạy dỗ, nhằm tìm ra một giải pháp cứu nước. Không may, Trần Văn Dư đã bị quyền Tổng đốc Quảng Nam lúc đó là Châu Đình

Huỳnh Đông

Nghĩ về “Tấm lòng son” qua hai bài thơ tuyệt mệnh của chí sĩ Nguyễn Duy Hiệu

Kẻ bắt giữ và báo với quân Pháp. Bất khuất, ông mắng chửi Tổng đốc Kế. Căm tức, viên quan này đã mượn tay quân Pháp để giết chết ông tại góc thành La Qua (13/12/1885). Nghĩa hội Quảng Nam đã mất đi một người thủ lĩnh kiên cường.

Đầu năm 1886, Nguyễn Duy Hiệu chính thức làm Hội chủ mới của Nghĩa hội, ông đã chọn thung lũng Trung Lộc thuộc Quế Sơn đặt tổng hành dinh với tên gọi là Tân Tỉnh Trung Lộc. Nhưng lúc ấy thế và lực của Nghĩa hội vẫn còn yếu và mỏng, vẫn chưa liên kết được với các cuộc nổi dậy của phong trào kháng Pháp từ Bắc chí Nam.

*“Ngó lên Tân tỉnh mù mù*

*Thấy ba ông đội che dù nấu cơm*

*Một ông xách bát đòi đơm*

*Hai ông ú hự, nôi cơm chưa vằn!”*

*(Ca dao Quảng Nam)*

Đó là câu hát ru con của những bà mẹ Quảng Nam thời ấy, nhưng có lẽ đó cũng là ngụ ý của một nhân sĩ yêu nước nào đó về thời cơ, thời cuộc, về thế và lực của nghĩa quân với ba vị đầu lĩnh Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến và Nguyễn Hàm; khi một người quyết tâm hành động và hai người kia còn do dự vì e ngại thế lực quân mình chưa đủ mạnh, thời thế chưa chín muồi. Con người quyết tâm và hành động ấy không ai khác là nhân sĩ dân thân Nguyễn Duy Hiệu.

Anh hùng phải biết tạo ra thời thế, không thể ngồi chờ, tiếng vang và thế lực cho Nghĩa hội phải được khuếch trương. Nguyễn Duy Hiệu đã tổ chức nhiều trận đánh gây cho giặc Pháp điêu đứng và rất nhiều thiệt hại như trận tập kích đơn vị công binh Pháp đang mở

con đường qua đèo Hải Vân, tiêu diệt trọn đội công tác này; trận Bãi Chài, phá đội ca nô ở vàm Vân Ly trên sông Thu Bồn; trận phục kích quân Pháp và quân triều đình ở Cẩm Muồng... Không để cho Nghĩa hội kịp phô trương thanh thế và phát triển lực lượng, tháng 2 năm 1886, khâm sứ Trung Kỳ là Hector đã điều động khoảng bốn trăm lính Pháp và hai trăm quân Nam triều do Nguyễn Thân chỉ huy đã rầm rộ tiến vào căn cứ Tân Tỉnh Trung Lộc. Trận kịch chiến xảy ra ở Gò May, do vì binh ít, vũ khí thô sơ mà nghĩa quân bị đại bại, bản doanh bị đốt cháy, san bằng. Nhận thấy tình hình không thể cầm cự lâu hơn được nữa, Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến liền ra lệnh đánh vượt vòng vây chạy về một làng ở gần cửa biển An Hòa thuộc Tam Kỳ cổ thủ. Tướng Nguyễn Thân liền xua quân theo càn quét rất ngặt. Trong khi đó, nghĩa quân lại thất trận ở căn cứ Phước Sơn, Tiên Phước... Tuy Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến chạy thoát được nhưng thế và lực thật sự đã cùng kiệt. Trước tình thế ấy, không thể để nghĩa quân toàn ba tỉnh bị giết hại hết, nhằm bảo toàn cho tính mạng của nhiều nghĩa quân, thủ lĩnh Nguyễn Duy Hiệu đã khuyên Phan Bá Phiến uống thuốc độc tự sát để tránh bị bắt, còn ông, tự trói mình nạp mạng cho đối phương và nhận lãnh hết trách nhiệm về mình đúng với tinh thần và lời thề Nghĩa hội... Hôm đó là ngày 5 tháng 8 năm Bính Tuất (21 tháng 9 năm 1887). Sử liệu còn ghi: “*Chứng kiến xong cái chết của người đồng sự tâm phúc, Nguyễn Duy Hiệu trở về quê thăm viếng mẹ già. Xong, ông ra miếu thờ Quan Công ở giữa bãi cát Thanh Hà, mặc áo dài đen, đầu vấn khăn cẩn thận, ngồi xếp bằng trước bàn thờ, rồi*

sai người đi báo cho Nguyễn Thân đến bắt ông...” (Nhóm Nhân văn Trẻ, Hỏi đáp lịch sử Việt Nam, Tập 4, tr. 263)

### **Quảng Nam nhân sĩ và một “Tám lòng son” chẳng phai mờ**

Những gì Nguyễn Duy Hiệu để lại cho hậu thế không phải là sự nghiệp văn chương của một nhà nho sinh ra trong thời tao loạn, thời đại mà những kẻ sĩ phải chọn lấy cho mình một lối dẫn thân, hoặc là ra làm quan cho triều đình đã quy phục ngoại bang, hoặc là ẩn dật đau đời qua chung trà, chén rượu và nhâm nhi ngâm vịnh những vần thơ thể thái nhân tình; riêng ông - Nguyễn Duy Hiệu đã chọn cho mình một lối đi, lối đi về phía con đường chính nghĩa của dân tộc, của những nhà cách mạng yêu nước. Ông đã để cho đời một “Một tám lòng son” kiên trung, bất khuất và chí hiếu qua cốt cách trong hành động sống và hai bài thơ tuyệt mệnh của ông. (Tư liệu lịch sử kể lại rằng: sau khi bị bắt Nguyễn Duy Hiệu liền bị giải về Huế, triều đình Đồng Khánh dùng danh lợi để dụ ông quy hàng, có khi lại đem sinh mạng mẫu thân của ông ra để mặc cả, uy hiếp, nhưng ông đã có một người mẹ hiền thực và trung nghĩa, mẫu mực và đ oan chánh. Lời đối đáp kiên cường của bà đối với những kẻ đến khuyên bà bảo con ra hàng giặc đến nay vẫn còn là nguồn cảm hứng trong những sáng tác nghệ thuật tuồng Quảng Nam. Trước những lời dụ hàng ngon ngọt của triều đình Đồng Khánh thân Pháp, ông vẫn một mực không nghe. Cuối cùng, Viện Cơ mật của Nam triều đã kết án tử hình ông vào ngày rằm tháng 8 năm Bính Tuất (15 tháng 10 năm 1887) tại Huế, hưởng dương 40 tuổi. Phần mộ Nguyễn Duy Hiệu hiện ở tại xã Cẩm Hà, thành phố Hội An.)



Hai bài thơ tuyệt mệnh chính là điểm sáng rực rỡ trong tám lòng son của Nguyễn Duy Hiệu. Trái tim ông đã đập theo nhịp đập trái tim của những người yêu nước, nồng đượm nghĩa đồng bào, tràn đầy và thắm đỏ dòng máu của nòi giống Lạc Hồng muôn thuở. Với hai bài thơ tuyệt mệnh viết bằng chữ Hán trong giờ phút cận kề sinh tử, với một tinh thần đỉnh đac, ung dung Nguyễn Duy Hiệu đã để lại cho đời sau những bài học giá trị về tinh thần yêu nước, về hai chữ hiếu, trung, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng. Hai bài thơ sau này được chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng dịch ra Quốc ngữ, đã trở thành hai điểm son hiem hoi, quý giá trong nền văn học sử Việt Nam.

#### **Bài 1:**

#### **Phiên âm**

*Cần vương thế dữ Bắc Nam đồng*

*Vô ngại khuông tương lộ vị thông*

*Vạn cổ cương thường vô Ngụy Tháo  
Bách niên tâm sự hữu Quan Công  
Thiên thu phận dĩ sơn hà định  
Địa thế sào khan thảo mộc cùng  
Ký ngữ phù trầm tư thế giả  
Hưu tương thành bại luận anh hùng.*

**Lời dịch thơ:**

*Cần vương Nam Bắc kết tơ đồng  
Cứu giúp đường kia khổ chẳng thông  
Muôn thuở cương thường ai Ngụy  
Tháo?*

*Trăm năm tâm sự có Quan Công  
Non sông phận tự trời định  
Cây cỏ buồn trông thấy đất cùng  
Nhấn bảo nổi chìm ai đó tá?  
Chớ đem thành bại luận anh hùng.*

**Bài 2**

**Phiên âm:**

*Tây Nam vô địch xích đồng tri  
Tào cập kim thời thế khả vi  
Nhuộc sử gian phong vô áo viện  
Hà nan trung đĩnh thất cường di  
Hàn Sơn kỷ đắc cô tùng cán  
Đại hạ an năng nhất mộc chi  
Hảo bả đan tâm triều liệt thánh  
Trung thu minh nguyệt dữ ngô quy.*

**Lời dịch thơ:**

*Không địch Tây Nam biết đã thừa  
Thời cơ như thế lẽ ngời trơ  
Nếu không mũi nịnh làm tay kín  
Nào khó làm tung vác gậy bừa  
Núi tùng cô lạnh trơ hãn thế*

*Nhà nghiêng một cột chống sao vừa  
Xin dâng liệt thánh lòng son đỏ  
Về có trăng rằm tháng tám đưa.*

Kẻ sĩ dân thân và hành động Nguyễn Duy Hiệu dấu biết trước sự tan vỡ, mất mát khi tham gia lập thành Nghĩa hội, biết rằng con đường đi của Nghĩa hội còn quá sức gian nan, bởi thế và lực của ta còn quá mỏng trước những vũ khí tối tân và lực lượng hùng hậu của đối phương, nhưng kẻ sĩ dân thân ấy chỉ có một con đường, con đường hy sinh cho dân cho nước khi giữ trọn một lời thề theo hịch Cần vương cứu nước, phò vua. “Cần vương thế dữ Bắc Nam đồng/Vô nại khuông tương lộ vị thông” (Cần vương Nam Bắc kết tơ đồng/Cứu giúp đường kia khổ chẳng thông). Ông khâm phục và học tập tấm gương trung nghĩa của Quan Công (Quan Vân Trường - một dũng tướng của Lưu Bị thời Tam Quốc); ông đã xem hành động của mình theo lời hiệu triệu của Hàm Nghi chống lại triều đình Đồng Khánh và giặc Pháp như hành động của Quan Công không phò Lưu Bị chống lại bọn Tào Tháo gian hùng muốn soán ngôi nhà Hán. Ông chia sẻ cái tâm sự đau buồn trước cảnh nước mất nhà tan với Quan Công - nhân vật lịch sử trong Tam Quốc Chí, ông chia sẻ tấm gương trung nghĩa dũng liệt của Quan Công như chia sẻ nỗi niềm của một dân tộc biết trân quý, tôn thờ chính đạo, giận ghét bạo tàn, cướp nước. “Vạn cổ cương thường vô Ngụy Tháo/Bách niên tâm sự hữu Quan Công” (Muôn thuở cương thường ai Ngụy Tháo?/Trăm năm tâm sự có Quan Công). Tổ quốc

hung vong, thất phu hữu trách là bài học nằm lòng của kẻ sĩ Quảng Nam Nguyễn Duy Hiệu. Trước nỗi niềm nước mất nhà tan, sự dẫn thân hành động của kẻ sĩ chân chính là đạo lý của dân tộc không thể không nghĩ tới. “*Mạc trương thành bại luận anh hùng*” (*Chớ đem thành bại luận anh hùng*) là thể hiện khí phách của bậc trượng phu dám nghĩ, dám làm, dám hi sinh khi biết rằng con đường của mình đi là con đường chính nghĩa... Nguyễn Duy Hiệu đã tự nộp mình cho giặc để chịu hết những khổ nhục, chết chóc cho nghĩa quân là một hành động anh hùng, hành động này không thể đem sự thành bại, được mất mà đánh giá được. Thật vậy, những tấm gương chí sĩ như Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Trần Cao Vân, Thái Phiên, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Văn Dư, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng... đã xây dựng cho đất Quảng Nam một thương hiệu “*Địa linh Nhân kiệt*” mà không địa phương nào có được.

Khi viết bài này, người viết thật hết sức cảm xúc khi đọc hai câu kết đầy nỗi niềm chí sĩ của bài thơ thứ hai: “*Hào bả đan tâm triều liệt thánh/ Trung thu minh nguyệt dĩ ngô quy.*” (*Xin dâng liệt thánh lòng son đỏ/Vê có trăng rằm tháng tám đưa*). “*Đan Tâm*” - “*Tấm lòng son*” trở thành nguồn cảm hứng chủ đạo trong tinh thần yêu nước của người Quảng Nam. Người Việt Nam trọng tiết tháo, nhân nghĩa, nơi đâu cũng có đền thờ, chùa chiền, miếu mạo. Đặc biệt ở Quảng Nam, mỗi làng đều có miếu Thành hoàng, miếu Thần nông, miếu Ngũ hành, lăng Tiên hiền, lăng Bà mẹ ... Các vị có công ty dân hộ

quốc, khí tiết trung liệt, hy sinh vì dân vì nước đều được tôn thờ. Các vị ấy đều được nhân dân làm cho hiển thánh, làm cho bất tử bởi các vị ấy có trong mình “*một tấm lòng son*”. Trên hai cây trụ trong khu Quảng Nam danh nhân chí sĩ kỷ niệm đài thuộc quần thể Khổng Miếu Hội An, người viết bài này cũng bắt gặp hai chữ “*đan tâm*” trong một vế đối rất khẩu khí, nghe nói do một vị túc nho là cháu của cụ Phạm Phú Thứ ở Hội An viết:

*“Vị thế thực cương thường nhất  
phiến đan tâm huyền nhật nguyệt,*

*Dữ thiên tranh vận mệnh thiên thu  
đại tiết cộng sơn hà.”*

Tạm dịch:

*“Vì cuộc đời gieo hạt cương  
thường, một tấm lòng son soi cùng năm  
tháng,*

*Cùng trời đất tranh đua vận mệnh  
tiết lớn ngàn thu hòa với núi sông”<sup>1</sup>*

Cái “*Tấm lòng son*” của Nguyễn Duy Hiệu sáng như vàng trăng Rằm, *Tấm lòng son* của ông đã trở thành “*Cái tôi trừ tình yêu nước*”, “*cái tấm lòng son*” ấy vận động trong không gian và thời gian thấm đượm lẽ nhân sinh của tâm hồn người Quảng Nam, đã thổi nguồn cảm hứng yêu nước vào những tâm hồn người dân xứ Quảng, đã tạo ra những chiến công oanh liệt của mảnh đất địa linh nhân kiệt của một xứ sở trung dũng kiên cường...

Bài học lịch sử dấu đã rất lâu cũng không bao giờ là bài học cũ. Tấm gương nghĩa khí trung liệt của Nguyễn

<sup>1</sup> Huỳnh Dong dịch

Duy Hiệu vẫn là vàng trắng Rằm sáng  
sôi không bao giờ lu mờ dành cho  
muôn đời sau ♦

<http://hoianheritage.net>